

**1. HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU**  
**ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT**

Mục phía trên bên trái hồ sơ ĐKDT ghi rõ tên Sở và mã sở theo quy định của Bộ GDĐT.

SỞ GDĐT **HÀ NỘI** MÃ SỞ: 

0	1
---	---

**Mục 1: Họ, chữ đệm và tên của thí sinh:** Viết chữ in hoa có dấu

**Mục 2: Ngày tháng và 02 số cuối năm sinh:** Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu

**Mục 3. a) Dân tộc** ghi đúng theo **giấy khai sinh**.

b) **Quốc tịch nước ngoài** thì đánh dấu (X) vào ô bên cạnh.

**Mục 4: Số thẻ căn cước/căn cước công dân**

ghi đủ 12 chữ số vào các ô tương ứng.

**Mục 5: Nơi thường trú**

- + Ghi đầy đủ **Mã tỉnh** (thành phố), **mã xã** (phường) theo quy định tại Quyết định 19/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ Ban hành Bảng danh mục và mã số đơn vị hành chính Việt Nam

Nơi thường trú:

0	1
---	---

0	0	0	0	4
---	---	---	---	---

**Mục 6: Nơi học sinh học THPT hoặc tương đương**

- Ghi **tên trường** và **địa chỉ nơi trường đóng**: Ví dụ **chuyên THPT Chu Văn, số 10 đường Thụy Khuê, Phường Tây Hồ, Hà Nội**
- Ghi **mã tỉnh** nơi trường đóng vào 2 ô đầu, **ghi mã trường** vào 3 ô tiếp theo
- Đối với **thí sinh là công an, quân nhân** được cử tham gia dự thi để xét tuyển ĐH, CĐ thì ghi **mã tỉnh** tương ứng với **tỉnh nơi đóng quân** và **mã trường THPT** là **900**.
- Đối với **thí sinh có thời gian học ở nước ngoài** thì những năm học ở nước ngoài ghi **mã tỉnh** tương ứng với tỉnh **theo thường trú tại Việt Nam** và mã trường THPT là **800**.
- Mục tên lớp: ghi rõ tên lớp 12 nơi học sinh đang học (ví dụ 12A1, 12A2,...), đối với học sinh là thí sinh tự do ghi "TDO".
- Đối với các trường THPT **do thay đổi địa giới hành chính, chuyển địa điểm hoặc thay đổi cấp hành chính**, chính sách dẫn đến **thay đổi mức ưu tiên khu vực** thì mỗi giai đoạn hưởng mức ưu tiên khác nhau, trường sẽ được gán một mã trường khác nhau cùng với một mức ưu tiên khu vực phù hợp. **Thí sinh căn cứ thời gian**

học tập tại trường THPT chọn và điền đúng mã trường theo các giai đoạn để được hưởng đúng mức ưu tiên theo khu vực.

- **Danh sách mã trường một số đơn vị mới được bổ sung và điều chỉnh**

STT	Mã Trường	Tên Trường	Địa Chi	Khu Vực
1	134	THPT Thọ Xuân	Cụm 5, Xã Liên Minh, thành phố Hà Nội	2
2	317	TH, THCS và THPT Ngôi sao Hà Nội-Hoàng Mai	Ô đất TH & PT Khu đô thị Kim Văn - Kim Lũ, Phường Định Công, TP Hà Nội	3
3	008	THPT chuyên Chu Văn An	Số 10 Đường Thụy Khuê, Phường Tây Hồ, TP Hà Nội	Khu vực3
4	152	THPT Chu Văn An (trước 01/2025)	Số 10 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội	Khu vực3
5	079	THPT chuyên Sơn Tây	Số 57 đường Đền Và, phường Sơn Tây, TP Hà Nội	Khu vực3
6	153	THPT Sơn Tây (trước 01/2025)	Số 57 đường Đền Và, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội	Khu vực2
7	155	THPT chuyên Sơn Tây (trước 01/7/2025)	Số 57 đường Đền Và, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội	Khu vực2
8	122	THPT Khoa học Giáo dục	Nhà HT2, Khu Đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội, Xã Hoà Lạc TP Hà Nội	Khu vực2
9	154	THPT Khoa học Giáo dục (trước 01/2025)	Phố Kiều Mai, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	Khu vực3
10	015	THPT Chương Mỹ A	Số 42, Khu Yên Sơn, phường Chương Mỹ, TP Hà Nội	Khu vực3
11	156	THPT Chương Mỹ A (trước 01/7/2025)	Số 42, Khu Yên Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Khu vực2
12	036	Hữu Nghị 80	Số 109, đường Đền Và, phường Sơn Tây, TP Hà Nội	Khu vực3
13	157	Hữu Nghị 80 (trước 01/7/2025)	Số 109, đường Đền Và, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội	Khu vực2
14	103	THPT Tùng Thiện	Số 20 Phố Tùng Thiện, phường Tùng Thiện, TP Hà Nội	Khu vực3
15	158	THPT Tùng Thiện (trước 01/7/2025)	Số 20 Phố Tùng Thiện, phường Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội	Khu vực2
16	115	THPT Xuân Khanh	Số 175, Đả Bạc, phường Tùng Thiện, TP Hà Nội	Khu vực3
17	159	THPT Xuân Khanh (trước 01/7/2025)	Số 175, đường Đả Bạc, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội	Khu vực2
18	210	THPT Đặng Tiến Đông	Thôn 4, Phường Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	Khu vực3
19	351	THPT Đặng Tiến Đông (trước 01/7/2025)	Thôn Nội An, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Khu vực2
20	277	THPT Lômônôxốp Tây Hà Nội	Ô đất ký hiệu D33 khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, phường Dương Nội, Hà Nội	Khu vực3
21	352	THPT Lômônôxốp Tây Hà Nội (trước 01/7/2025)	Khuôn viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Khu vực2
22	350	THPT Trần Đại Nghĩa (trước ngày 08/3/2024)	Khuôn viên trường ĐHSP TĐTT Hà Nội, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Khu vực2
23	293	THCS&THPT Phạm Văn Đồng	Lô A26, KĐT Geleximco, đường Lê Trọng Tấn, Phường Tây Mỗ, TP Hà Nội	Khu vực3
24	353	THCS&THPT Phạm Văn Đồng (trước 01/7/2025)	Lô A26, KĐT Geleximco, đường Lê Trọng Tấn, Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội	Khu vực2
25	297	THPT Galileo	Số 88 (số 136 cũ) Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội	Khu vực3
26	354	THPT Hòa Bình-La Trobe-Hà Nội (trước 9/2025)	Số 65 Cầm Hội, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Khu vực3
27	311	THPT FPT Tây Hà Nội	Phố Kiều Mai, phường Xuân Phương, Hà Nội	Khu vực3
28	355	THPT Tây Hà Nội (trước 9/2025)	Phố Kiều Mai, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	Khu vực3
29	412	GDNN-GDTX Sơn Tây	Số 129 đường Phú Thịnh, phường Sơn Tây, TP Hà Nội (QL32)	Khu vực3
30	430	GDNN-GDTX thị xã Sơn Tây (trước 01/7/2025)	Số 129 đường Phú Thịnh, phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội (QL32)	Khu vực2
31	414	GDNN-GDTX Chương Mỹ	TDP Đông Sơn, phường Chương Mỹ, TP Hà Nội	Khu vực3
32	431	GDNN-GDTX huyện Chương Mỹ (trước 01/7/2025)	Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Khu vực2
33	426	GDNN-GDTX Thanh Trì	Km 2,5 đường Phan Trọng Tuệ, Phường Thanh Liệt, TP Hà Nội	Khu vực3
34	432	GDNN-GDTX huyện Thanh Trì (trước 01/7/2025)	Km 2,5 đường Phan Trọng Tuệ, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	Khu vực2

### Lưu ý:

Nếu một trường có nhiều mã thì mã có số lớn hơn là của các năm trước, mã nhỏ hơn là mã của năm lớp 12

### Mục 7: Điện thoại, Email thí sinh

Ghi **chính xác** điện thoại, email của thí sinh để được **cấp mật khẩu** sử dụng một lần (OTP) qua tin nhắn đảm bảo cho sự bảo mật khi đăng ký xét tuyển trực tuyến.

### Mục 8: Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ

Thí sinh phải ghi **chính xác** thông tin của người liên hệ: họ tên; số điện thoại; địa chỉ (số nhà), thôn (đường phố, ngõ gạch), xã (phường), tỉnh (thành phố để **nhận Giấy báo trúng tuyển** khi thí sinh trúng tuyển).

**Mục 9:** Thí sinh học theo chương trình nào (GDPT hoặc GDTX) thì tích vào ô chương trình đó

### Mục 10:

**Tích (x) vào ô thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT** nếu là người đã học xong chương trình cấp THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp ở những năm trước

**Tích (x) vào ô thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT** nếu là người đã có bằng tốt nghiệp THPT, có bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh

### **Mục 11:**

Dự thi tại Hội đồng thi: **Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội** Mã Hội đồng thi

**0 1**

**Mục 12:** Nơi ĐKDT: Ghi tên đơn vị (ví dụ: Trường THPT Phan Đình Phùng)

Mã đơn vị ĐKDT: Ghi mã đơn vị (ví dụ: 066)

<b>Đối tượng</b>	<b>Nơi đăng ký dự thi</b>
<b>1. Thí sinh hoàn thành chương trình chương trình GDPT năm học 2025-2026 (TS lớp 12)</b>	<b>Tại trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX nơi học lớp 12</b>
<b>2. Thí sinh tự do chưa tốt nghiệp</b>	<b>Tại trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX nơi học lớp 12 hoặc gần nơi cư trú</b>
<b>3. Thí sinh tự do đã có bằng tốt nghiệp THPT đã có bằng trung cấp</b>	<b>Tại 06 trường THPT do Sở quy định theo danh sách dưới đây</b>

STT	Mã ĐTN(*)	Tên ĐTN(*)	Tên đăng nhập(*)
1	601	THPT chuyên Chu Văn An	dtm_01_601
2	602	THPT chuyên Nguyễn Huệ	dtm_01_602
3	603	THPT Liên Hà	dtm_01_603
4	604	THPT Nguyễn Trãi-Thường Tín	dtm_01_604
5	605	THPT chuyên Sơn Tây	dtm_01_605
6	606	THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân	dtm_01_606

### **Mục 13: Đăng ký môn thi**

#### ***Đối với thí sinh hoàn thành chương trình THPT năm 2025-2026***

Thí sinh phải đăng ký dự thi môn Ngữ văn, môn Toán và 01 bài thi tự chọn gồm 02 môn thi trong số các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học, Công nghệ Công nghiệp, Công nghệ Nông nghiệp, Ngoại ngữ. Thí sinh chọn 02 môn thi của bài thi tự chọn trong số các môn đã được học ở lớp 12. Thí sinh được ĐKDT môn Ngoại ngữ khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông;

#### ***Đối với thí sinh tự do đã có bằng tốt nghiệp THPT, bằng tốt nghiệp trung cấp***

Đăng ký môn thi theo nguyện vọng. Riêng đối với bài thi tự chọn, thí sinh chỉ được chọn tối đa 02 môn thi.

### **Mục 14: Đăng ký miễn thi ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT hoặc đăng ký xét tuyển sinh ( Điều 39 Quy chế thi)**

1. Đối tượng miễn thi ngoại ngữ

## **2. Cách ghi trên phiếu ĐKDT**

Ghi loại chứng chỉ : **TOEFL ITP**

Ghi Điểm thi ( nếu chứng chỉ có điểm thi vào ô): 

<b>450</b>
------------

***Lưu ý: Chứng chỉ phải còn hạn đến 10/6, Trong thời gian ĐKDT, khi đăng ký miễn bài thi ngoại ngữ thí sinh phải tải minh chứng (chứng chỉ ngoại ngữ) lên hệ thống.***

### **Mục 16: Đăng ký môn thi xin bảo lưu để xét CNTN ( Điều 41 – TT24)**

#### **Điều kiện**

Thí sinh đã dự thi đủ các môn thi quy định nhưng chưa tốt nghiệp THPT và không bị kỷ luật hủy kết quả thi được bảo lưu điểm thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT trong kỳ thi năm liền kề tiếp theo. Môn thi được bảo lưu phải đạt từ 5,0 điểm trở lên.

Chỉ dự thi những môn thi mà không có điểm bảo lưu. Trong trường hợp thí sinh dự thi môn thi được bảo lưu thì phải sử dụng kết quả thi để xét công nhận tốt nghiệp.

#### **1. Cách ghi trên phiếu ĐKDT**

- Ghi rõ điểm môn thi xin được bảo lưu vào các ô tương ứng.

## 2. HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

### I. DIỆN ƯU TIÊN XÉT TỐT NGHIỆP THPT

Thí sinh thuộc một trong các diện:

#### 1. Diện 1: Không được cộng điểm ưu tiên.

Còn gọi là diện bình thường.

Ký hiệu: **D1**

#### 2. Diện 2: Cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động dưới 81% (chỉ với GDTX); Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động. Ký hiệu: **D2-TB2**

- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động, con Bà mẹ VN anh hùng. Ký hiệu: **D2-CAH**

- Người dân tộc thiểu số.

Ký hiệu: **D2-TS2**

- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam học ở các trường THPT tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT;

Ký hiệu: **D2-VS2**

- Người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hoá học.

Ký hiệu: **D2-CHH**

- Có tuổi đời từ 35 tuổi trở lên, tính đến ngày thi (đối với thí sinh GDTX).

Ký hiệu: **D2-T35**

#### 3. Diện 3: Cộng 0,5 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Người dân tộc thiểu số học ở các trường THPT tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT;

Ký hiệu: **D3-TS3**

- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (đối với GDTX).

Ký hiệu: **D3-TB3**

- Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

Ký hiệu: **D3-CLS**

\* Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên thì chỉ hưởng theo tiêu chuẩn cao nhất.

### II. ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH

#### 1. Đạt giải cá nhân kỳ thi học sinh giỏi bộ môn văn hoá lớp 12:

- Giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh:

2,0 điểm.

- Giải khuyến khích cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh:

1,5 điểm.

- Giải ba cấp tỉnh:

1,0 điểm.

#### 2. Đạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lí, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT:

- Giải nhất, nhì, ba quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: 2,0 điểm.

- Giải khuyến khích quốc gia hoặc giải tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh hoặc Huy chương Bạc:

1,5 điểm.

- Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng:

1,0 điểm.

\* Giải đồng đội chỉ tính cho giải quốc gia, mức điểm cộng thêm giống như giải cá nhân.

\* Học sinh đạt nhiều giải khác nhau trong nhiều cuộc thi/kỳ thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại giải cao nhất.

### III. LƯU Ý:

- Mục 5: Thí sinh tự do là thí sinh thuộc điểm b khoản 1 Điều 19 Quy chế thi ( Thông tư 24)

### 3. HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH ƯU TIÊN TRONG XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CAO ĐẲNG

#### 1. Ưu tiên khu vực ( Quy định tại Phụ lục I – Thông tư 06)

Hệ thống sẽ tự động xác định khi thí sinh nhập mã trường 3 năm học

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

#### 2. Ưu tiên đối tượng ( Quy định tại Phụ lục II – Thông tư 06)

Thí sinh chọn đối tượng ưu tiên và tải minh chứng, đơn vị ĐKDT kiểm tra và duyệt minh chứng theo thời gian quy định.

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm 1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm 2</i>	
04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
06	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.